

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành
phố Cần Thơ.

Điện thoại (di động): 0908.233.534

Fax: (0710) 3765 078

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về **toàn nội dung Báo cáo thường niên năm 2015**. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Ngày 22 tháng 03 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thắng

Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
Năm báo cáo: Năm 2015**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
- Tên tiếng Anh: SOUTH WEST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PVFCCo SW
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800722461
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Số điện thoại: (84-710) 3765 079 Số fax : (84-710) 765 078
- Website: www.dpmtnb.com.vn
- Biểu tượng công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 08/07/2004, Giám đốc Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) đã có quyết định số 288/QĐ-TCHC về việc thành lập Tổ Thị trường miền Tây Nam Bộ.
- Ngày 14/01/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam có quyết định 077/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 19/09/2007, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định số 017/QĐ-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 27/12/2007, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc đổi tên Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty.

- Ngày 07/08/2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc thành lập Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Ngày 24/12/2010, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ thành Công ty Cổ phần.
- Sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý, ngày 31/12/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1800722461 cho Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Kể từ ngày 01/01/2011 đến nay, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam.
- Ngày 25/03/2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 30/06/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.
- Ngày 21/07/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PSW.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh phân bón.
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Vận tải hàng hóa thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Quảng cáo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại. Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan. Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

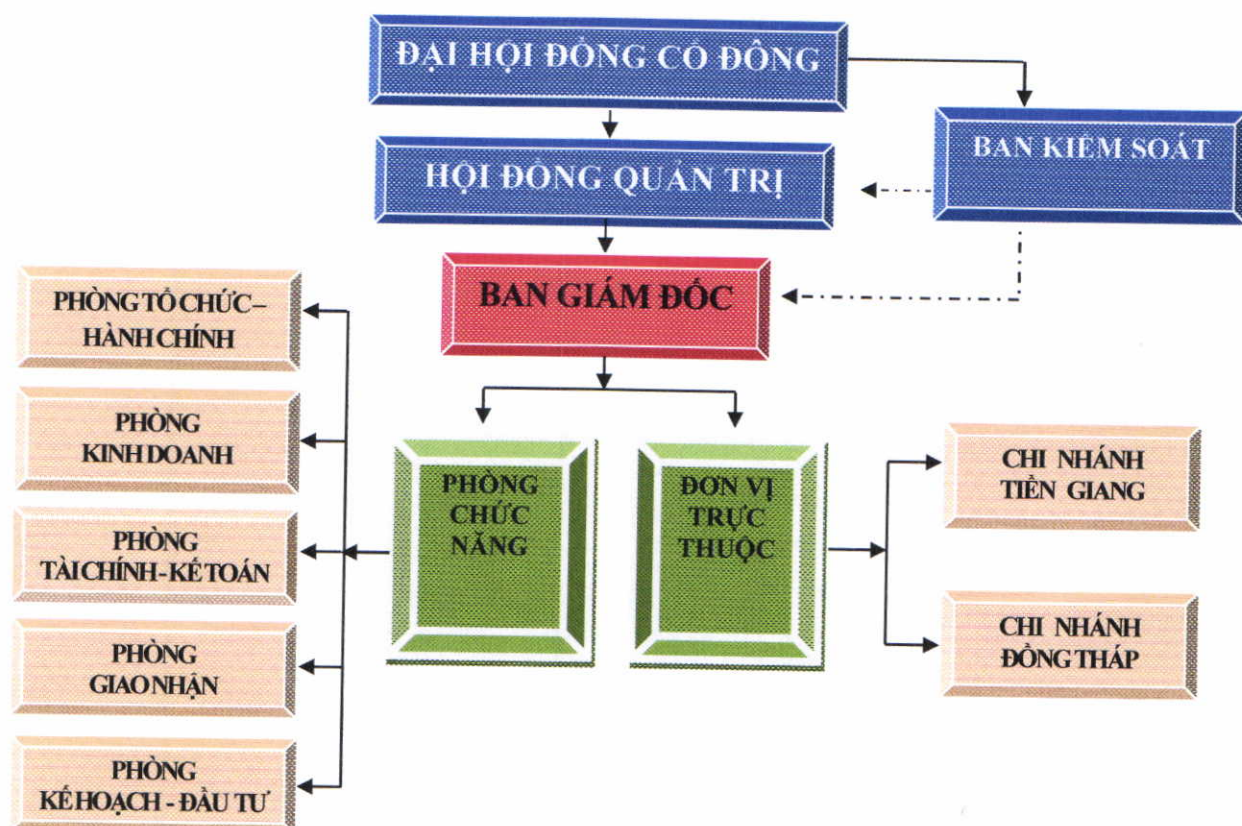
3.2. Địa bàn kinh doanh:

Các hoạt động kinh doanh của Công ty có địa bàn chính tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và trụ sở của Công ty đặt tại Thành phố Cần Thơ. Ngoài ra Công ty còn có các Chi nhánh tại Tiền Giang và Đồng Tháp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

PVFCCo SW là công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với mô hình quản trị như sau:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

4.2.1. Đại Hội đồng Cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ): Cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty.

4.2.2. Ban Kiểm soát: Cơ quan giám sát Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Giám đốc Công ty (BGĐ) trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD.

4.2.3. Hội Đồng Quản trị: Cơ quan quản lý Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

4.2.4. Ban Giám đốc:

4.2.4.1. Giám đốc: Người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động SXKD tại Công ty.

4.2.4.2. Các Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc, phụ trách một số phòng/đơn vị hoặc mảng công việc theo phân công, phân cấp của Giám đốc Công ty.

4.2.5. Các phòng chức năng/đơn vị trực thuộc: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Giao nhận, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch Đầu tư và 02 Chi nhánh của Công ty tại Tiền Giang và Đồng Tháp.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Định hướng mục tiêu ngắn hạn và trung hạn:
 - Tiếp tục phát huy và giữ vững thị phần phân Đạm Phú Mỹ tại ĐBSCL
 - Đa dạng hóa sản phẩm:

- + Phát triển thêm các sản phẩm phân bón khác phù hợp với nhu cầu, thổ nhưỡng khu vực ĐBSCL.
- + Tìm kiếm thêm các nhà cung cấp sản phẩm nhập khẩu có chất lượng, giá thành tốt và uy tín.
- Nghiên cứu thị trường, tìm cơ hội, đối tác trong lĩnh vực nông dược theo hướng xanh, sạch và thân thiện với môi trường.
- Đội ngũ CBCNV hoạt động chuyên nghiệp, đặc biệt lực lượng bán hàng có kiến thức vững về nông nghiệp, am hiểu khách hàng.

5.2. Chiến lược phát triển:

“Tập trung có trọng điểm, thực hiện đúng cam kết, xây dựng hệ thống phân phối hiệu quả, làm tăng giá trị cho đối tác, người nông dân, Công ty và đảm bảo phát triển bền vững”.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Trong định hướng hoạt động, Công ty xác định việc phát triển sản xuất kinh doanh đi đôi với việc bảo vệ môi trường và chia sẻ trách nhiệm cùng xã hội là một trong những tiêu chí luôn được PVFCCo SW đề cao.

- Áp dụng mọi biện pháp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường.
- Đồng hành cùng bà con nông dân: hướng dẫn sử dụng phân bón, kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp thông tin nông nghiệp cho nông dân như thông tin thời tiết, sâu bệnh, giá cả nông sản,...
- Hỗ trợ người nghèo: Tặng nhà tình nghĩa, cấp học bổng cho học sinh - sinh viên, chương trình Tết vì người nghèo, tổ chức cứu trợ cho bà con bị thiên tai hạn hán, lũ lụt...

6. Các rủi ro:

Những rủi ro trong quá trình thực hiện chiến lược:

- Sản phẩm kinh doanh chủ lực của Công ty là Ure, nên trong bối cảnh thị trường cung vượt cầu có sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các Công ty dẫn đến lợi nhuận của Công ty cũng như của khách hàng bị giảm.
- Phải gia tăng chi phí cho các hoạt động chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và chi phí tiếp thị.
- Sản lượng nông nghiệp có tăng về số lượng, tuy nhiên giá cả bấp bênh và ẩn chứa nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp đã tác động đến việc tái đầu tư trong sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đvt: Đồng

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.600.069.400.533
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.519.509.782.994
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	80.559.617.539
4. Doanh thu hoạt động tài chính	3.911.921.338

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
5. Chi phí tài chính	0
6. Chi phí bán hàng	24.508.042.449
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.397.476.446
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.566.019.982
9. Thu nhập khác	3.593.668.000
10. Chi phí khác	48.709.091
11. Lợi nhuận khác	3.544.958.909
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.110.978.891
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.068.493.036
14. Lợi nhuận sau thuế	32.042.485.855

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Các chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	(%) TH 2015/KH 2015	(%) TH 2015/TH 2014
1	Tổng doanh thu (thuần)	2.554,06	2.476,67	2.608,06	105,31%	102,11%
2	Tổng chi phí	2.513,14	2.448,67	2.566,95	104,83%	102,14%
3	Lợi nhuận trước thuế	40,92	28,00	41,11	146,82%	100,47%
4	Lợi nhuận sau thuế	31,89	21,84	32,04	146,71%	100,49%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách BGD:

2.1.1. Giám đốc Công ty:

- + Ông Nguyễn Đức Hiền Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 13/04/1969
- + Số CMND: 024797522 do CA Tp.HCM cấp ngày 01/08/2007.
- + Địa chỉ thường trú: CC 49/1 Hồ Biểu Chánh, P.12, Q. Phú Nhuận Tp.HCM.
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: **12,58%** (trong đó tỷ lệ cổ phần biểu quyết đại diện vốn của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP là 12,5 %; tỷ lệ cổ phần sở hữu cá nhân có quyền biểu quyết là 0,08 %).

2.1.2. Phó Giám đốc:

- + Ông Lê Kiên Định Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: **21/11/1973**
- + Số CMND: 025511848 do CA Tp. TP.HCM cấp ngày 22/10/2011
- + Địa chỉ thường trú: B112/43 Bạch Đằng – Phường 02 – Quận Tân Bình – TP.HCM
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: không có.

2.1.3. Phó Giám đốc:

- + Ông Trần Văn Thắng Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 16/08/1972

- + Số CMND: 025598333 do CA Tp. HCM cấp ngày 10/02/2012
- + Địa chỉ thường trú: Phòng 1701- C1 Chung cư Imperia An Phú, Phường An Phú, Q.2, T HCM. Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: **12,5%** (trong đó tỷ lệ cổ phần biểu quyết đại diện vốn của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP là 12,5 %; tỷ lệ cổ phần sở hữu cá nhân có quyền biểu quyết là 0,0 %).

2.1.4. Kế toán trưởng:

- + Ông Nguyễn Thành Công Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 09/06/1978
- + Số CMND: 362419597 do CA Tp. Cần Thơ cấp ngày 19/07/2010
- + Địa chỉ thường trú: 190/2C, Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 0,00588% (sở hữu cá nhân).

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

2.2.1. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Diễn giải	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Thạc sĩ	7	11,48 %
Đại học, Cao đẳng	48	78,69 %
Trung cấp	2	3,27 %
Lao động phổ thông	4	6,56 %
Tổng cộng	61	100%

2.2.2. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Năm 2015, Công ty tiếp tục tiến hành sắp xếp lại nhân sự, phân biệt lực lượng lao động trong Công ty thành 02 khối về quy định trả lương: khối trực tiếp và khối gián tiếp, nhằm tạo công bằng trong trả lương cho người lao động theo năng lực và hiệu quả làm việc.
- Ngoài ra Công ty luôn thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTN cho toàn thể CBCNV.
- Thu nhập của CBCNV Công ty luôn được quan tâm và đảm bảo nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Trong năm 2015, Công ty không thực hiện công tác đầu tư XD CB mà chỉ thực hiện đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị. Công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị luôn tuân thủ đúng các quy trình và quy định liên quan. Quán triệt chủ trương tiết kiệm chống lãng phí nên Công ty chỉ thực hiện mua sắm khi có nhu cầu thực sự đồng thời lựa chọn nhà cung cấp theo chào giá cạnh tranh nên đơn giá hàng hóa mua sắm thường thấp hơn giá kế hoạch, vì vậy giá trị thực hiện mua sắm năm 2015 đạt 0,22 tỷ đồng, tương đương 14,82% kế hoạch.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng (+), giảm (-)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	268.735	338.927	70.192	26,12%
Doanh thu thuần	2.548.198	2.600.069	51.871	2,04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.914	37.566	-3.348	-8,18%
Lợi nhuận khác	3	3.545	3.542	131194,77%
Lợi nhuận trước thuế	40.917	41.111	194	0,47%
Lợi nhuận sau thuế	31.887	32.042	155	0,49%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	14,99%	14,48%	-0,51%	-3,41%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
4.2.1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Thanh toán ngắn hạn:		
TSNH/Nợ ngắn hạn	4,03	2,37
+ Thanh toán nhanh:		
TSNH-Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn	2,63	1,76
4.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Nợ NH/Tổng tài sản	20,26%	36,56%
+ Nợ NH/Vốn chủ sở hữu	25,40%	57,63%
4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán		
Hàng tồn kho bình quân	32,98	33,02
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	9,48	7,67
4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,25%	1,23%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,88%	14,90%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11,87%	9,45%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,61%	1,44%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của PVFCCo SW là 17.000.000 (mười bảy triệu) cổ phần
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- + Cổ đông là tổ chức:

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP: chiếm 75% vốn điều lệ.
- Các tổ chức khác (tỷ lệ dưới 5%/tổ chức): chiếm 17,2% vốn điều lệ.
- + Cổ đông là cá nhân: 7,8% vốn điều lệ.
(theo danh sách do VSD cung cấp tại Công văn số 924/2015- PSW/VSD-ĐK ngày 22/10/2015)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- + Tổng vốn đầu tư của PVFCCo SW là 170.000.000.000 (Một trăm bảy mươi tỷ đồng).
- + Không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

BGD Công ty PVFCCo SW đã điều hành hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty trên cơ sở định hướng, kế hoạch phát triển Công ty được Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT thông qua. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BGD đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, tìm kiếm và đưa ra các giải pháp kịp thời, đúng đắn. Vì vậy, đã đưa hoạt động của Công ty trong năm 2015 hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2015 về các chỉ tiêu chủ yếu như: tổng sản lượng tiêu thụ, tổng doanh thu và lợi nhuận. Đồng thời bảo đảm ổn định đời sống tinh thần, thu nhập cho CBCNV.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Tạo được niềm tin đối với khách hàng, giữ vững thương hiệu Đạm Phú Mỹ trên thị trường phân bón tại khu vực ĐBSCL.
- Quảng bá thương hiệu và hình ảnh công ty phát triển cả chiều rộng và chiều sâu đến nông dân.
- Công ty đã phát triển các sản phẩm mới DAP, Kali, NPK Phú Mỹ được bà con nông dân tại khu vực ĐBSCL tin dùng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm 2014	Cuối năm 2015	Tăng (+), giảm (-)	% Tăng giảm
A. Tài sản ngắn hạn	219.669	293.609	73.940	33,66%
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	66.791	168.036	101.245	151,59%
+ Các khoản phải thu ngắn hạn (*)	75.753	49.413	-26.340	-34,77%
+ Hàng tồn kho	76.602	75.991	-611	-0,80%
+ Tài sản ngắn hạn khác (*)	523	169	-355	-67,78%
B. Tài sản dài hạn	49.066	45.318	-3.748	-7,64%
+ Tài sản cố định	38.205	34.790	-3.414	-8,94%
+ Bất động sản đầu tư	10.439	10.278	-161	-1,54%
+ Tài sản dài hạn khác (*)	423	250	-172	-40,72%
Tổng tài sản	268.735	338.927	70.193	26,12%

Ghi chú: Các chỉ tiêu (*) tại cuối năm 2014 đã được trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tổng tài sản của Công ty năm 2015 là: 338,927 tỷ đồng, tăng 26,12% so với năm 2014, tăng chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền do trong những tháng cuối năm 2015 Công ty đã tăng cường thu hồi nợ phải thu từ khách hàng (năm 2014: 75,46 tỷ, năm 2015: 26,46 tỷ) và lượng tiền khách hàng ứng trước để mua hàng cũng tăng so với năm 2014 (năm 2014: 897 triệu, năm 2015: 39,56 tỷ). Trong năm 2015 Công ty không phát sinh các khoản nợ xấu, nợ khó đòi.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm 2014	Cuối năm 2015	Tăng (+), giảm (-)	% Tăng giảm
A.Nợ ngắn hạn	54.441	123.918	69.477	127,62%
+ Phải trả người bán	33.707	61.671	27.964	82,96%
+ Người mua trả tiền trước	897	39.561	38.664	4308,22%
+ Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	2.365	3.269	903	38,20%
+ Phải trả cho người lao động	3.485	4.285	799	22,94%
+ Chi phí phải trả	266	134	-133	-49,78%
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.087	11.644	557	5,03%
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.632	3.354	722	27,43%
B.Nợ dài hạn	0	0	0	
Tổng nợ phải trả	54.441	123.918	69.477	127,62%

Tổng nợ phải trả năm 2015 là 123,92 tỷ, tăng 127,62% so với năm 2014 chủ yếu tăng các khoản phải trả người bán (tăng 82,96%) và khoản người mua trả tiền trước (tăng 4.308,22%). Khoản nợ tiền mua phân bón từ Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí chiếm tỷ trọng 91% trong khoản phải trả người bán. Đây là khoản Công ty được nợ theo các chính sách mua hàng trả chậm từ Chi nhánh Tổng Cty và khoản nợ này chưa đến hạn thanh toán. Bên cạnh đó, Công ty cũng không phát sinh các khoản nợ phải trả bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá hay chênh lệch lãi vay. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán như khả năng thanh toán ngắn hạn 2,37 và khả năng thanh toán nhanh 1,76 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định cơ bản phù hợp và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức phục vụ kinh doanh.
- Nâng cấp và đổi mới trang web của Công ty ngày càng hoàn thiện về nội dung và hình thức.
- Ban hành quy định trả lương khoán đối với khối lao động trực tiếp.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2016

- Kinh doanh có hiệu quả 325.000 tấn phân bón các loại, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tài chính ĐHĐCĐ giao.
- Củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, cán bộ thị trường đồng nhất, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo. Quảng bá hình ảnh và thương hiệu sản phẩm của Tổng công ty, Công ty tới khách hàng và nông dân.
- Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, bố trí sắp xếp lại cán bộ hợp lý, rà soát bố trí nhân sự, ưu tiên cho khối kinh doanh trực tiếp, rà soát nhân sự chuyển từ khối gián tiếp sang trực tiếp và cải tiến chính sách tiền lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý phương thức quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Xây dựng và duy trì hiệu quả HTQL chất lượng của công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 là năm thứ năm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Năm qua lại tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nước ta; mặc dù sản lượng nông nghiệp ngày càng tăng về số lượng và chất lượng tuy nhiên giá cả bấp bênh và ẩn chứa nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, trong nước kinh tế tăng trưởng chậm, sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với sản phẩm chủ lực là Urê Phú Mỹ đã chịu sự cạnh tranh mạnh trong bối cảnh nguồn cung trong nước đã thừa, gây khó khăn rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh phân bón sản xuất trong nước, trong đó có Công ty Tây Nam Bộ. Trước những khó khăn trong năm 2015, tuy nhiên với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty, sự phối hợp và hỗ trợ của khách hàng, đối tác, sự ủng hộ của Cổ đông cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT, BGĐ cũng như CBCNV toàn công ty, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2015. Trong năm 2015, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT cùng với BGĐ đã tổ chức triển khai công tác niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán đúng lộ trình và hoàn thành vượt tiến độ đề ra. Kết quả ngày 30/6/2015, Công ty đã được SGDCK Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết và ngày 21/7/2015, Công ty đã chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PSW.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- BGĐ đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2015.
- BGĐ đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động điều hành kinh doanh.
- Chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm, phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ thông qua.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, tổ chức sơ kết, đánh giá 1 năm/ lần.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHCĐ giao.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đương nhiệm gồm 5 thành viên, cơ cấu gồm Chủ tịch HĐQT và 4 ủy viên. Trong đó có 01 ủy viên HĐQT là đại diện cổ đông khách hàng.
- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó	
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)
1	Ông Phạm Quý Hiền	30,06	30,00	0,06
2	Ông Nguyễn Đức Hiền	12,58	12,50	0,08
3	Ông Trần Văn Thắng	12,50	12,50	0,00
4	Ông Đoàn Quốc Thịnh	20,00	20,00	0,00
5	Ông Hoàng Văn Nhã	8,00	8,00	0,00

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

1.2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành Viên HĐQT	3/4	75%	Bận công tác
3	Ông Trần Văn Thắng	Thành Viên HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Đoàn Quốc Thịnh	Thành Viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Hoàng Văn Nhã	Thành Viên HĐQT	4/4	100%	

Các lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị đề thông qua Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị: 12 lần.

1.2.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với BGĐ

Năm 2015, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp, 12 lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và đã đề ra nhiều giải pháp nhằm định hướng, hỗ trợ cho BGĐ Công ty trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng cũng như các hoạt động quản trị khác của Công ty. HĐQT chỉ đạo, xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động kinh doanh theo tháng/quý trong năm 2015 của HĐQT và hỗ trợ trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông. HĐQT quản lý Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ của HĐQT đã được quy định trong luật doanh nghiệp.

a. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (đính kèm phụ lục 1).

b. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 đạt kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2015	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ
Sản lượng kinh doanh	Tấn	305.000	324.818	106,50%
- Ure Phú Mỹ	Tấn	200.000	217.482	108,74%
- Kinh doanh các sản phẩm tự doanh	Tấn	105.000	107.337	102,23%
Tổng Doanh thu	Tỷ.đ	2.476,67	2.608,06	105,31%
Lợi nhuận trước thuế	“	28,00	41,11	146,82%
Lợi nhuận sau thuế		21,84	32,04	146,71%
Nộp NSNN	“	8,34	10,28	123,37%

1.2.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra, giám sát các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để HĐQT ra Quyết định/Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc BGĐ Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

1.2.4. Danh sách các thành viên HĐQT Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị:

- Ông Phạm Quý Hiến.
- Ông Nguyễn Đức Hiến.
- Ông Trần Văn Thắng.
- Ông Đoàn Quốc Thịnh.
- Ông Hoàng Văn Nhã.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty gồm 3 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, cơ cấu gồm Trưởng Ban kiểm soát và 2 thành viên. Trong đó có 01 thành viên là đại diện cổ đông khách hàng.
- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó		Ghi chú
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)	
1	Bà Mai Hồng Khánh	0,0059	0,0000	0,0059	
2	Bà Liêu Bích Thủy	4,8235	4,8235	0,0000	
3	Ông Lê Đăng Tú	0,0000	0,0000	0,0000	

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015:

Các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch với các nội dung chủ yếu:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của Công ty; Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ; Việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Kiểm soát đã tham gia cùng các đoàn Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty nhằm: Kiểm soát tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2015 của Công ty, công tác mua sắm tài sản; việc tuân thủ chế độ tài chính kế toán, công tác chi tiêu, công nợ phải thu, phải trả;
- Ban Kiểm soát đã có đề xuất, kiến nghị với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty để hoàn thiện công tác quản trị, góp phần hoàn thiện công tác quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD trong toàn Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
I. Hội đồng quản trị						
1	Phạm Quý Hiền	Chủ tịch HĐQT	712.697.375	272.033.134	14.180.000	998.910.509
2	Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên HĐQT kiêm GD	712.697.375	272.033.134	14.180.000	998.910.509
3	Trần Văn Thắng	Ủy viên HĐQT kiêm P.GD	666.570.202	200.063.028	10.400.000	877.033.230
4	Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên HĐQT		84.489.943		84.489.943
5	Hoàng Văn Nhã	Ủy viên HĐQT		84.489.943		84.489.943
II. Phó GD, KTT						
1	Lê Kiên Định	Phó Giám đốc	554.706.744	190.436.536	18.106.323	763.249.603
2	Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng	556.866.744	176.354.881	10.400.000	743.621.625
III. Ban kiểm soát						
1	Mai Hồng Khánh	Trưởng Ban kiểm soát		70.408.286		70.408.286
2	Lê Đăng Tú	Thành viên Ban kiểm soát		42.244.972		42.244.972
3	Liêu Bích Thủy	Thành viên Ban kiểm soát		42.244.972		42.244.972
TỔNG CỘNG			3.203.538.440	1.434.798.829	67.266.323	4.705.603.592

- 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không)
- 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (**Bảng kê chi tiết các giao dịch với cổ đông nội bộ đính kèm phụ lục 2**).
- 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo Tài chính năm 2015 của PVFCCo SW đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán (**kèm theo Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán**).

2. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các Thông tin Thường niên (năm 2015) cần công bố theo quy định của Công ty Đại chúng Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- UB Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCKHN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Phó GD (để biết);
- Lưu: VT, KHĐT, PHN

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Khiêm

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01A/NQ-TNB	13/01/2015	NQ V/v thông qua nội dung tính Chiết khấu Đạm Phú Mỹ Quý IV và chiết khấu bổ sung năm 2014
2	01/NQ-TNB	21/01/2015	NQ V/v chấp thuận trích lập quỹ lương thực hiện năm 2014 của PVFCCo SW
3	02/NQ-TNB	10/02/2015	NQ V/v chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2015 của PVFCCo SW
4	03/NQ-TNB	11/03/2015	Nghị quyết Phiên họp lần 01 của HĐQT Công ty
5	01/QĐ-TNB	24/03/2015	QĐ V/v ban hành Quy chế chiết khấu thương mại cho Đại lý tiêu thụ sản phẩm Đạm Phú Mỹ của PVFCCo SW
6	04/NQLT-TNB-CB	01/04/2015	Nghị quyết liên tịch về công tác tổ chức cán bộ - tái bổ nhiệm ông Trần Văn Thắng đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc
7	01A/QĐ-TNB	14/04/2015	QĐ cử ông Nguyễn Đức Hiền đi công tác tại Ả Rập Saudi từ ngày 15/4/2015 đến hết ngày 20/4/2015
8	06/NQ-TNB	17/04/2015	NQ V/v chốt danh sách cổ đông để thực hiện niêm yết cổ phiếu của PVFCCo SW tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
9	02/QĐ-TNB	12/05/2015	QĐ V/v ban hành Quy trình công bố thông tin
10	03/QĐ-TNB	12/05/2015	QĐ V/v thông qua sản phẩm niêm yết và thời điểm dự kiến niêm yết chính thức của PVFCCo SW
11	04/QĐ-TNB	22/05/2015	QĐ thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội của PVFCCo SW
12	05/QĐ-TNB	01/06/2015	QĐ bổ nhiệm lại ông Trần Văn Thắng đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc Công ty
13	06/QĐ-TNB	15/06/2015	QĐ thành lập tổ triển khai niêm yết cổ phiếu của PVFCCo SW trên sàn GDCK Hà Nội
14	08/NQ-TNB	22/06/2015	Nghị quyết phiên họp lần 02 của HĐQT Công ty
15	07/QĐ-TNB	30/06/2015	QĐ phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho và nợ phải thu của PVFCCo SW
16	08/QĐ-TNB	01/07/2015	QĐ phê duyệt chọn ngày giao dịch và giá chào sản phẩm cổ phiếu của PVFCCo SW trên sàn GDCK Hà Nội

17	09/NQ-TNB	10/07/2015	NQ V/v bổ nhiệm cán bộ và điều chỉnh tỷ lệ trích Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng của PVFCCo SW
18	10/NQ-TNB	16/07/2015	NQ V/v ký hợp đồng dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của PVFCCo SW
19	09/QĐ-TNB	28/07/2015	QĐ cử ông Nguyễn Đức Hiền đi công tác tại Pháp - Monaco - Ý từ ngày 17/8/2015 đến hết ngày 27/8/2015
20	10/QĐ-TNB	04/08/2015	QĐ ban hành Quy chế chiết khấu thương mại cho khách hàng tiêu thụ sản phẩm Đạm Phú Mỹ của PVFCCo SW
21	11/QĐ-TNB	03/09/2015	QĐ cử ông Phạm Quý Hiền đi công tác Tây Ban Nha, Séc, Ba Lan từ ngày 25/9/2015 đến hết ngày 05/10/2015
22	12/QĐ-TNB	04/09/2015	QĐ cử ông Nguyễn Đức Hiền đi công tác tại Nga, Estonia từ ngày 13/9/2015 đến hết ngày 21/9/2015
23	13/QĐ-TNB	14/09/2015	QĐ ban hành Quy chế làm việc của HĐQT PVFCCo SW
24	11/NQ-TNB	17/09/2015	NQ phiên họp lần 03 của HĐQT công ty
25	12/NQ-TNB	24/09/2015	NQ sửa đổi Quy chế về chế độ đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài đối với CBCNV PVFCCo SW
26	14/QĐ-TNB	24/09/2015	QĐ ban hành Quy chế quản lý tài chính của PVFCCo SW
27	13/NQ-TNB	28/09/2015	NQ V/v thông qua các Ngân hàng/Tổ chức tín dụng có uy tín để tiền gửi của PVFCCo SW
28	14/NQ-TNB	29/09/2015	NQ V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 của PVFCCo SW
29	15/QĐ-TNB	09/10/2015	QĐ ban hành Quy chế công tác phí, định mức trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác của PVFCCo SW
30	16/QĐ-TNB	13/10/2015	QĐ cử ông Phạm Quý Hiền đi công tác Nhật Bản từ ngày 25/10/2015 đến hết ngày 29/10/2015
31	17/QĐ-TNB	23/10/2015	QĐ chuyển xếp lương chức danh cho ông Phạm Quý Hiền - Chủ tịch HĐQT công ty
32	18/QĐ-TNB	23/10/2015	QĐ chuyển xếp lương chức danh cho ông Nguyễn Đức Hiền - Giám đốc công ty
33	19/QĐ-TNB	31/10/2015	QĐ ban hành quy chế tuyển dụng nhân sự của PVFCCo SW
34	20/QĐ-TNB	31/10/2015	QĐ ban hành quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm phân bón của PVFCCo SW

35	15/NQ-TNB	12/11/2015	NQ chấp thuận kế hoạch tiền lương năm 2015 của PVFCCo SW
36	16/NQ-TNB	29/12/2015	Nghị quyết phiên họp lần 04 của HĐQT Công ty
37	17/NQ-TNB	31/12/2015	Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch mua sắm tài sản năm 2015 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

THÔNG TIN CÁC GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên đơn vị ký HĐ/giao dịch với Công ty	Ngày ký HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch	Giá trị HĐ/giao dịch (đồng)	Thẩm định phê duyệt HĐ/giao dịch theo Điều 120 Luật DN
1	DNTN Hưng Thạnh	05/01/2015	Đạm Phú Mỹ	1.540.000.000	Hội đồng Quản trị
2	DNTN Hưng Thạnh	07/01/2015	Đạm Phú Mỹ	111.650.000	Hội đồng Quản trị
3	DNTN Hưng Thạnh	07/01/2015	Đạm Phú Mỹ	266.250.000	Hội đồng Quản trị
4	DNTN Hưng Thạnh	07/01/2015	Đạm Phú Mỹ	338.800.000	Hội đồng Quản trị
5	DNTN Hưng Thạnh	13/01/2015	DAP xanh Trung Quốc	4.094.883.000	Hội đồng Quản trị
6	DNTN Hưng Thạnh	19/01/2015	Đạm Phú Mỹ	7.500.000.000	Hội đồng Quản trị
7	DNTN Hưng Thạnh	21/01/2015	Kali miêng Phú Mỹ	3.950.000.000	Hội đồng Quản trị
8	DNTN Hưng Thạnh	02/02/2015	Đạm Phú Mỹ	435.000.000	Hội đồng Quản trị
9	DNTN Hưng Thạnh	09/02/2015	Đạm Phú Mỹ	5.953.500.000	Hội đồng Quản trị
10	DNTN Hưng Thạnh	09/02/2015	Đạm Phú Mỹ	1.396.500.000	Hội đồng Quản trị
11	DNTN Hưng Thạnh	12/02/2015	Đạm Phú Mỹ	735.000.000	Hội đồng Quản trị
12	DNTN Hưng Thạnh	24/02/2015	Đạm Phú Mỹ	730.000.000	Hội đồng Quản trị
13	DNTN Hưng Thạnh	24/02/2015	Đạm Phú Mỹ	14.600.000.000	Hội đồng Quản trị
14	DNTN Hưng Thạnh	02/03/2015	Đạm Phú Mỹ	11.025.000.000	Hội đồng Quản trị
15	DNTN Hưng Thạnh	10/03/2015	Đạm Phú Mỹ	7.300.000.000	Hội đồng Quản trị
16	DNTN Hưng Thạnh	12/03/2015	DAP Phú Mỹ	6.275.000.000	Hội đồng Quản trị
17	DNTN Hưng Thạnh	12/03/2015	NPK Phú Mỹ	975.000.000	Hội đồng Quản trị
18	DNTN Hưng Thạnh	16/03/2015	Đạm Phú Mỹ	9.490.000.000	Hội đồng Quản trị
19	DNTN Hưng Thạnh	23/03/2015	Đạm Phú Mỹ	5.075.000.000	Hội đồng Quản trị
20	DNTN Hưng Thạnh	25/03/2015	Đạm Phú Mỹ	3.625.000.000	Hội đồng Quản trị
21	DNTN Hưng Thạnh	26/03/2015	DAP xanh Trung Quốc	7.253.390.160	Hội đồng Quản trị
22	DNTN Hưng Thạnh	30/03/2015	Kali miêng Phú Mỹ	1.577.850.000	Hội đồng Quản trị
23	DNTN Hưng Thạnh	30/03/2015	NPK Phú Mỹ	1.950.000.000	Hội đồng Quản trị

24	DNTN Hưng Thạnh	02/04/2015	Đạm Phú Mỹ	5.800.000.000	Hội đồng Quản trị
25	DNTN Hưng Thạnh	08/04/2015	Đạm Phú Mỹ	2.537.500.000	Hội đồng Quản trị
26	DNTN Hưng Thạnh	10/04/2015	Đạm Phú Mỹ	3.625.000.000	Hội đồng Quản trị
27	DNTN Hưng Thạnh	17/04/2015	Đạm Phú Mỹ	1.450.000.000	Hội đồng Quản trị
28	DNTN Hưng Thạnh	20/04/2015	Đạm Phú Mỹ	3.059.500.000	Hội đồng Quản trị
29	DNTN Hưng Thạnh	23/04/2015	Đạm Phú Mỹ	3.552.500.000	Hội đồng Quản trị
30	DNTN Hưng Thạnh	27/04/2015	Đạm Phú Mỹ	3.625.000.000	Hội đồng Quản trị
31	DNTN Hưng Thạnh	27/04/2015	Đạm Phú Mỹ	725.000.000	Hội đồng Quản trị
32	DNTN Hưng Thạnh	04/05/2015	DAP xanh Trung Quốc	5.804.567.500	Hội đồng Quản trị
33	DNTN Hưng Thạnh	06/05/2015	Đạm Phú Mỹ	7.975.000.000	Hội đồng Quản trị
34	DNTN Hưng Thạnh	12/05/2015	Đạm Phú Mỹ	3.625.000.000	Hội đồng Quản trị
35	DNTN Hưng Thạnh	19/05/2015	DAP xanh Trung Quốc	6.624.000.000	Hội đồng Quản trị
36	DNTN Hưng Thạnh	19/05/2015	DAP xanh Trung Quốc	3.150.000.000	Hội đồng Quản trị
37	DNTN Hưng Thạnh	20/05/2015	Đạm Phú Mỹ	1.460.000.000	Hội đồng Quản trị
38	DNTN Hưng Thạnh	21/05/2015	DAP xanh Trung Quốc	11.040.000.000	Hội đồng Quản trị
39	DNTN Hưng Thạnh	22/05/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
40	DNTN Hưng Thạnh	22/05/2015	DAP Phú Mỹ	2.446.622.500	Hội đồng Quản trị
41	DNTN Hưng Thạnh	22/05/2015	DAP Phú Mỹ	3.615.000.000	Hội đồng Quản trị
42	DNTN Hưng Thạnh	25/05/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
43	DNTN Hưng Thạnh	26/05/2015	Kali miêng Phú Mỹ	4.000.000.000	Hội đồng Quản trị
44	DNTN Hưng Thạnh	27/05/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
45	DNTN Hưng Thạnh	02/06/2015	Đạm Phú Mỹ	2.607.500.000	Hội đồng Quản trị
46	DNTN Hưng Thạnh	02/06/2015	NPK Phú Mỹ	4.825.000.000	Hội đồng Quản trị
47	DNTN Hưng Thạnh	09/06/2015	DAP Phú Mỹ	24.100.000.000	Hội đồng Quản trị
48	DNTN Hưng Thạnh	09/06/2015	DAP Phú Mỹ	6.025.000.000	Hội đồng Quản trị
49	DNTN Hưng Thạnh	10/06/2015	Đạm Phú Mỹ	6.705.000.000	Hội đồng Quản trị
50	DNTN Hưng Thạnh	22/06/2015	Đạm Phú Mỹ	7.450.000.000	Hội đồng Quản trị
51	DNTN Hưng Thạnh	22/06/2015	Đạm Phú Mỹ	7.450.000.000	Hội đồng Quản trị
52	DNTN Hưng Thạnh	23/06/2015	Kali miêng Phú Mỹ	5.600.000.000	Hội đồng Quản trị
53	DNTN Hưng Thạnh	24/06/2015	Đạm Phú Mỹ	7.450.000.000	Hội đồng Quản trị

54	DNTN Hưng Thạnh	26/06/2015	Đạm Phú Mỹ	2.160.500.000	Hội đồng Quản trị
55	DNTN Hưng Thạnh	29/06/2015	Đạm Phú Mỹ	2.607.500.000	Hội đồng Quản trị
56	DNTN Hưng Thạnh	01/07/2015	Đạm Phú Mỹ	1.937.000.000	Hội đồng Quản trị
57	DNTN Hưng Thạnh	06/07/2015	Đạm Phú Mỹ	1.490.000.000	Hội đồng Quản trị
58	DNTN Hưng Thạnh	08/07/2015	Kali miêng Phú Mỹ	4.000.000.000	Hội đồng Quản trị
59	DNTN Hưng Thạnh	09/07/2015	Đạm Phú Mỹ	4.842.500.000	Hội đồng Quản trị
60	DNTN Hưng Thạnh	10/07/2015	Kali bột Phú Mỹ	2.205.000.000	Hội đồng Quản trị
61	DNTN Hưng Thạnh	10/07/2015	Kali miêng Phú Mỹ	1.600.000.000	Hội đồng Quản trị
62	DNTN Hưng Thạnh	13/07/2015	Đạm Phú Mỹ	2.235.000.000	Hội đồng Quản trị
63	DNTN Hưng Thạnh	14/07/2015	NPK Phú Mỹ	1.949.500.000	Hội đồng Quản trị
64	DNTN Hưng Thạnh	15/07/2015	Đạm Phú Mỹ	2.633.202.500	Hội đồng Quản trị
65	DNTN Hưng Thạnh	23/07/2015	Đạm Phú Mỹ	3.725.000.000	Hội đồng Quản trị
66	DNTN Hưng Thạnh	24/07/2015	Đạm Phú Mỹ	1.117.500.000	Hội đồng Quản trị
67	DNTN Hưng Thạnh	27/07/2015	Đạm Phú Mỹ	2.980.000.000	Hội đồng Quản trị
68	DNTN Hưng Thạnh	27/07/2015	NPK Phú Mỹ	4.900.000.000	Hội đồng Quản trị
69	DNTN Hưng Thạnh	28/07/2015	Đạm Phú Mỹ	5.215.000.000	Hội đồng Quản trị
70	DNTN Hưng Thạnh	06/08/2015	Đạm Phú Mỹ	1.490.000.000	Hội đồng Quản trị
71	DNTN Hưng Thạnh	06/08/2015	Đạm Phú Mỹ	5.960.000.000	Hội đồng Quản trị
72	DNTN Hưng Thạnh	06/08/2015	Kali miêng Phú Mỹ	8.000.000.000	Hội đồng Quản trị
73	DNTN Hưng Thạnh	12/08/2015	Đạm Phú Mỹ	1.490.000.000	Hội đồng Quản trị
74	DNTN Hưng Thạnh	13/08/2015	Đạm Phú Mỹ	745.000.000	Hội đồng Quản trị
75	DNTN Hưng Thạnh	13/08/2015	Đạm Phú Mỹ	2.980.000.000	Hội đồng Quản trị
76	DNTN Hưng Thạnh	13/08/2015	Kali miêng Phú Mỹ	4.050.000.000	Hội đồng Quản trị
77	DNTN Hưng Thạnh	18/08/2015	Đạm Phú Mỹ	3.352.500.000	Hội đồng Quản trị
78	DNTN Hưng Thạnh	25/08/2015	Đạm Phú Mỹ	2.960.000.000	Hội đồng Quản trị
79	DNTN Hưng Thạnh	01/09/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
80	DNTN Hưng Thạnh	08/09/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
81	DNTN Hưng Thạnh	10/09/2015	Đạm Phú Mỹ	1.168.000.000	Hội đồng Quản trị
82	DNTN Hưng Thạnh	10/09/2015	Đạm Phú Mỹ	17.082.000.000	Hội đồng Quản trị



83	DNTN Hưng Thạnh	10/09/2015	DAP Phú Mỹ	13.747.800.000	Hội đồng Quản trị
84	DNTN Hưng Thạnh	10/09/2015	DAP Phú Mỹ	10.423.070.000	Hội đồng Quản trị
85	DNTN Hưng Thạnh	15/09/2015	Đạm Phú Mỹ	14.600.000.000	Hội đồng Quản trị
86	DNTN Hưng Thạnh	23/09/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
87	DNTN Hưng Thạnh	24/09/2015	NPK Phú Mỹ	5.000.000.000	Hội đồng Quản trị
88	DNTN Hưng Thạnh	24/09/2015	DAP xanh Trung Quốc	23.000.000.000	Hội đồng Quản trị
89	DNTN Hưng Thạnh	25/09/2015	DAP xanh Trung Quốc	11.430.000.000	Hội đồng Quản trị
90	DNTN Hưng Thạnh	28/09/2015	Đạm Phú Mỹ	3.650.000.000	Hội đồng Quản trị
91	DNTN Hưng Thạnh	28/09/2015	DAP xanh Trung Quốc	9.605.000.000	Hội đồng Quản trị
92	DNTN Hưng Thạnh	29/09/2015	Đạm Phú Mỹ	2.263.000.000	Hội đồng Quản trị
93	DNTN Hưng Thạnh	29/09/2015	Kali miêng Phú Mỹ	16.400.000.000	Hội đồng Quản trị
94	DNTN Hưng Thạnh	08/10/2015	Đạm Phú Mỹ	1.440.000.000	Hội đồng Quản trị
95	DNTN Hưng Thạnh	13/10/2015	Đạm Phú Mỹ	720.000.000	Hội đồng Quản trị
96	DNTN Hưng Thạnh	13/10/2015	Đạm Phú Mỹ	1.440.000.000	Hội đồng Quản trị
97	DNTN Hưng Thạnh	14/10/2015	Đạm Phú Mỹ	2.880.000.000	Hội đồng Quản trị
98	DNTN Hưng Thạnh	14/10/2015	Đạm Phú Mỹ	4.320.000.000	Hội đồng Quản trị
99	DNTN Hưng Thạnh	22/10/2015	Đạm Phú Mỹ	1.400.000.000	Hội đồng Quản trị
100	DNTN Hưng Thạnh	26/10/2015	Đạm Phú Mỹ	1.400.000.000	Hội đồng Quản trị
101	DNTN Hưng Thạnh	30/10/2015	Đạm Phú Mỹ	11.200.000.000	Hội đồng Quản trị
102	DNTN Hưng Thạnh	10/11/2015	Đạm Phú Mỹ	4.299.050.000	Hội đồng Quản trị
103	DNTN Hưng Thạnh	12/11/2015	Đạm Phú Mỹ	2.100.000.000	Hội đồng Quản trị
104	DNTN Hưng Thạnh	12/11/2015	Kali bột Phú Mỹ	735.000.000	Hội đồng Quản trị
105	DNTN Hưng Thạnh	12/11/2015	Kali miêng Phú Mỹ	7.110.000.000	Hội đồng Quản trị
106	DNTN Hưng Thạnh	13/11/2015	Đạm Phú Mỹ	1.610.000.000	Hội đồng Quản trị
107	DNTN Hưng Thạnh	18/11/2015	Đạm Phú Mỹ	2.100.000.000	Hội đồng Quản trị
108	DNTN Hưng Thạnh	18/11/2015	Đạm Phú Mỹ	350.000.000	Hội đồng Quản trị
109	DNTN Hưng Thạnh	19/11/2015	Đạm Phú Mỹ	1.400.000.000	Hội đồng Quản trị
110	DNTN Hưng Thạnh	20/11/2015	Đạm Phú Mỹ	4.900.000.000	Hội đồng Quản trị
111	DNTN Hưng Thạnh	24/11/2015	Đạm Phú Mỹ	1.960.000.000	Hội đồng Quản trị
112	DNTN Hưng Thạnh	25/11/2015	Đạm Phú Mỹ	4.200.000.000	Hội đồng Quản trị

113	DNTN Hưng Thạnh	26/11/2015	Đạm Phú Mỹ	1.680.000.000	Hội đồng Quản trị
114	DNTN Hưng Thạnh	27/11/2015	DAP Phú Mỹ	9.254.560.000	Hội đồng Quản trị
115	DNTN Hưng Thạnh	30/11/2015	Đạm Phú Mỹ	7.000.000.000	Hội đồng Quản trị
116	DNTN Hưng Thạnh	30/11/2015	Đạm Phú Mỹ	3.920.000.000	Hội đồng Quản trị
117	DNTN Hưng Thạnh	02/12/2015	Kali bột Phú Mỹ	1.460.000.000	Hội đồng Quản trị
118	DNTN Hưng Thạnh	03/12/2015	Đạm Phú Mỹ	1.173.000.000	Hội đồng Quản trị
119	DNTN Hưng Thạnh	07/12/2015	Đạm Phú Mỹ	4.830.000.000	Hội đồng Quản trị
120	DNTN Hưng Thạnh	08/12/2015	Kali miêng Phú Mỹ	6.280.000.000	Hội đồng Quản trị
121	DNTN Hưng Thạnh	11/12/2015	Đạm Phú Mỹ	1.794.000.000	Hội đồng Quản trị
122	DNTN Hưng Thạnh	14/12/2015	Đạm Phú Mỹ	690.000.000	Hội đồng Quản trị
123	DNTN Hưng Thạnh	15/12/2015	Đạm Phú Mỹ	2.760.000.000	Hội đồng Quản trị

